

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 22/4/2025
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Cương

2. Bà Phan Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hoàng Thị L - sinh năm 1990; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Đinh Văn V - sinh năm 1990; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Hoàng Thị L trình bày: Chị L và anh Đinh Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hai bên gia đình, đăng ký kết hôn ngày 24/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Lê xác N vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Linh N1 (sinh ngày 07/12/2013, Giới tính: Nữ) và Đinh Duy N2 (sinh ngày 07/11/2015; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, chị L yêu cầu được giao 02 con chung cho anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê xác N không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Đinh Văn V trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn phù hợp với lời khai của chị L. Về quan hệ hôn nhân: anh V xác nhận: Năm 2022 chị Lê Đ làm ăn xa, không thường xuyên về nhà. Trong thời gian đó chị Lê K chăm lo gia đình, con cái, không có đóng góp về kinh tế gia đình, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Bản thân anh V đã khuyên bảo chị Lê Q về đoàn tụ hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Linh N1 (sinh ngày 07/12/2013, Giới tính: Nữ) và Đinh Duy N2 (sinh ngày 07/11/2015; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 34 ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thể hiện: chị Hoàng Thị L và anh Đinh Văn V cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Hiện nay anh V đang sinh sống và làm ăn tại địa phương, chị L hiện tại sinh sống và làm ăn ở nơi khác, hoàn cảnh kinh tế của gia đình thuộc diện bình thường, không có khó khăn về kinh tế. Ủy ban nhân dân xã có biết về tình trạng hôn nhân nhưng không biết về nguyên nhân phát sinh gây mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị L và anh Đinh Văn V. Quá trình xảy ra mâu thuẫn giữa chị L và anh V diễn ra âm ỉ, không thể hiện ra bên ngoài nên xóm cũng như tổ hòa giải không biết đến để can thiệp, tham gia hòa giải, góp ý giữa hai bên. Vợ chồng chị L và anh V có 02 con chung, hiện đang được anh V nuôi dưỡng tại xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về tình cảm vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn V.

2. Về con chung: Xét nguyện vọng của cháu Đinh Thị Linh N1 (sinh ngày 07/12/2013, Giới tính: Nữ) và Đinh Duy N2 (sinh ngày 07/11/2015; Giới tính: Nam). Hiện nay hai cháu đang sống cùng bố và bà nội, đang đi học tại B. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ, cũng như sự ổn định trong việc học tập cần giao hai cháu cho anh Đinh Văn V tiếp tục là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi

trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn Đinh Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn Hoàng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Đinh Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Đinh Văn V có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2012 tại Ủy ban nhân dân B, huyện Q (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Chị Lê Đ làm ăn xa nhà nên không có thời gian chăm sóc gia đình, con cái, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay, không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, đoàn tụ gia đình. Chị L và anh V đều nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân kéo dài và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị L và anh V đều nhất trí ly hôn và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh V.

[3.2] Về con chung: Chị L và anh V đều xác nhận có 02 con chung là cháu Đinh Thị Linh N1 (sinh ngày 07/12/2013, Giới tính: Nữ) và Đinh Duy N2 (sinh ngày 07/11/2015; Giới tính: Nam). Xét thấy, từ khi chị L và anh V sống ly thân đến nay, anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đã ổn định cuộc sống và đảm

bảo tốt về mọi mặt, hiện nay chị Lê Đ làm ăn xa, không sinh sống tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh V đều có ý kiến thống nhất giao 02 con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, để bảo đảm được lợi ích toàn diện của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với bố nên cần giao 02 con chung cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh V không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh V đều có ý kiến xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị Lê . Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Đinh Văn V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đinh Thị Linh N1 (sinh ngày 07/12/2013, Giới tính: Nữ) và Đinh Duy N2 (sinh ngày 07/11/2015; Giới tính: Nam) cho anh Đinh Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đinh Văn V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh V không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002433 ngày 12/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND H. Quảng Hòa;
- Chi cục THADS H. Quảng Hòa;
- UBND xã Bình Lăng, h. Quảng Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hanh

